

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ II - KHỐI 10

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GD&CD	Ghi chú
							TN	Nghe	TL	TC							
1	000883	Lê Thị Vân Anh	14/08/2004	10A1	3.8	6.3	2.55	1.6	1.30	5.5	4.0	2.3	5.0	6.5	2.0	4.5	
2	000896	Trịnh Thị Bằng Bằng	24/12/2004	10A1	7.8	7.8	2.7	2.0	1.85	6.6	7.0	7.8	8.8	5.5	7.8	6.5	
3	000899	Trần Ngọc Minh Châu	18/10/2004	10A1	7.3	7.0	4.5	2.0	2.00	8.5	7.0	8.0	8.8	6.8	7.3	8.3	
4	000918	Trần Khánh Duy	28/04/2004	10A1	3.5	6.0	3	2.0	1.10	6.1	3.8	3.0	7.0	4.0	5.8	7.5	
5	000929	Phạm Gia Đạt	22/10/2004	10A1	4.0	4.8	3.15	1.6	1.10	5.9	5.0	3.0	6.8	5.8	7.3	8.0	
6	000939	Đào Thanh Hải	08/01/2004	10A1	4.8	6.5	3.75	2.0	1.45	7.2	8.5	6.8	6.8	9.0	8.3	5.5	
7	000945	Phạm Thị Hồng Hạnh	20/09/2004	10A1	8.3	5.8	3.75	2.0	1.90	7.7	8.0	7.5	9.5	5.5	8.8	5.3	
8	000949	Nguyễn Thị Thanh Hằng	04/01/2004	10A1	8.8	8.8	3.9	2.0	2.00	7.9	10.0	9.3	9.0	8.5	10.0	10.0	
9	000970	Trần Thái Hòa	07/01/2004	10A1	2.3	5.5	4.05	2.0	1.60	7.7	2.3	1.0	2.3	0.8	4.5	6.8	
10	000976	Trần Phạm Ánh Hồng	05/11/2004	10A1	8.0	7.5	4.5	2.0	1.75	8.3	7.5	5.8	8.3	9.0	9.0	10.0	
11	000982	Nguyễn Đăng Huy	25/09/2004	10A1	5.8	7.3	4.65	2.0	1.65	8.3	9.0	6.0	8.8	7.5	7.3	8.8	
12	000984	Nguyễn Hoàng Bảo Huy	16/02/2004	10A1	4.3	7.0	4.05	2.0	1.10	7.2	8.0	5.3	6.5	6.5	8.8	7.8	
13	000985	Nguyễn Minh Huy	11/06/2004	10A1	8.5	7.5	4.35	1.8	1.85	8.0	9.5	9.8	10.0	7.5	9.5	9.5	
14	001003	Tạ Duy Khang	24/02/2004	10A1	3.3	6.3	3.3	2.0	1.75	7.1	8.5	6.0	8.8	4.0	9.0	8.0	
15	001018	Lê Nhựt Lâm	11/06/2004	10A1	7.3	6.3	2.4	2.0	0.90	5.3	6.0	5.3	9.3	5.0	6.5	6.8	
16	001024	Nguyễn Hà Linh	21/08/2003	10A1	4.5	6.5	3.45	1.6	1.25	6.3	6.5	4.3	8.3	7.0	7.0	8.0	
17	001027	Nguyễn Thị Tú Linh	11/06/2004	10A1	8.5	7.8	4.2	2.0	1.85	8.1	9.5	9.0	9.8	7.5	9.5	10.0	
18	001032	Nguyễn Trường Bảo Long	19/10/2004	10A1	4.8	6.3	3.6	2.0	1.90	7.5	6.3	8.3	7.5	4.0	9.3	7.3	
19	001042	Nguyễn Thị Yến Mai	29/05/2004	10A1	1.8	6.8	3	1.8	1.70	6.5	4.0	3.5	5.5	3.5	5.5	5.0	
20	001048	Nguyễn Ngọc Khánh Minh	04/01/2004	10A1	8.5	7.0	4.5	1.6	2.00	8.1	10.0	8.3	8.5	6.5	9.5	10.0	
21	001052	Vũ Hoàng Minh	01/04/2002	10A1	5.0	6.0	1.65	2.0	1.15	4.8	6.0	5.8	8.0	4.0	4.5	9.0	
22	001053	Hoàng Diễm Thảo My	24/09/2003	10A1	4.3	6.5	2.7	1.8	1.45	6.0	8.0	6.8	8.3	7.5	9.3	8.8	
23	001067	Nguyễn Hồng Ngân	24/12/2004	10A1	7.3	6.0	3.9	2.0	2.00	7.9	5.0	5.5	6.8	4.0	6.8	6.5	
24	001072	Phạm Kim Ngân	16/03/2004	10A1	9.0	7.3	4.65	1.8	2.00	8.5	10.0	9.0	9.3	8.0	9.0	9.5	
25	001108	Nguyễn Thành Nhơn	10/01/2004	10A1	8.8	5.5	4.2	2.0	2.00	8.2	9.0	9.5	7.8	8.8	9.5	7.3	
26	001112	Cao Tâm Như	17/09/2004	10A1	9.0	6.8	4.35	2.0	1.90	8.3	10.0	8.3	9.0	9.0	9.5	9.8	

27	001114	Phan Ý Như	26/09/2004	10A1	6.3	6.8	3.75	2.0	1.25	7.0	7.8	7.0	8.8	7.0	6.0	8.8	
28	001123	Đặng Minh Phát	05/06/2004	10A1	9.0	6.0	4.5	2.0	1.80	8.3	7.5	8.5	8.8	8.0	9.8	9.5	
29	001126	Phạm Tấn Phát	19/08/2004	10A1	5.0	6.8	3	1.6	1.75	6.4	5.0	4.8	6.3	3.5	8.5	6.3	
30	001128	Huỳnh Tiến Phong	23/12/2004	10A1	7.8	6.5	3.9	1.8	1.10	6.8	6.5	6.0	7.3	9.0	9.3	9.5	
31	001137	Võ Lê Hồng Phúc	14/09/2004	10A1	6.8	5.0	4.05	2.0	1.90	8.0	7.5	7.0	8.0	7.8	6.8	8.0	
32	001147	Nguyễn Minh Quân	20/09/2004	10A1	5.0	5.0	3.15	1.8	1.60	6.6	5.5	2.8	8.3	5.5	5.8	7.3	
33	001153	Ngô Thị Kim Quyên	29/01/2004	10A1	4.0	8.0	3.15	2.0	1.70	6.9	6.0	6.5	8.3	6.5	8.3	10.0	
34	001155	Trần Nguyễn Như Quỳnh	10/05/2004	10A1	8.5	7.0	4.2	2.0	2.00	8.2	9.0	7.3	9.3	8.5	9.8	8.0	
35	001188	Kiều Phương Thảo	25/06/2004	10A1	9.0	8.0	3.3	2.0	2.00	7.3	9.5	7.3	9.0	8.8	7.8	10.0	
36	001197	Trịnh Minh Thân	25/06/2004	10A1	4.0	6.3	3.3	2.0	0.40	5.7	2.0	2.5	9.3	8.0	8.3	8.3	
37	001213	Nguyễn Hoàng Anh Thư	03/06/2004	10A1	5.0	7.5	2.7	2.0	1.15	5.9	7.5	5.3	7.0	6.3	8.8	8.0	
38	001216	Nguyễn Võ Minh Thư	18/08/2004	10A1	6.0	6.0	3.3	2.0	1.75	7.1	5.0	4.3	7.8	6.0	8.5	7.5	
39	001239	Trần Văn Tiến	07/04/2004	10A1	5.8	5.8	4.2	1.6	0.95	6.8	7.5	5.5	9.5	5.0	5.3	8.0	
40	001255	Nguyễn Quỳnh Trân	20/11/2004	10A1	8.5	5.8	3.9	1.8	2.00	7.7	8.5	7.5	7.3	6.5	6.3	8.5	
41	001256	Trần Thị Quế Trân	12/04/2004	10A1	5.8	6.3	3.6	2.0	1.90	7.5	9.5	6.0	9.0	6.0	9.8	7.8	
42	001259	Hồ Đức Trí	01/03/2004	10A1	4.3	6.0	3.15	2.0	0.70	5.9	6.5	5.5	5.5	4.8	7.8	5.5	
43	001260	Phạm Hoàng Minh Trí	24/10/2003	10A1	6.3	6.3	2.1	1.8	1.10	5.0	8.0	6.3	5.5	7.5	8.5	6.8	
44	001275	Phạm Anh Tuấn	17/05/2004	10A1	5.0	6.3	4.2	2.0	1.90	8.1	7.0	6.8	5.5	5.0	8.0	7.8	
45	001290	Nguyễn Quang Vinh	02/03/2004	10A1	8.3	7.0	4.35	2.0	1.90	8.3	10.0	8.0	8.8	8.0	9.5	7.5	
46	001306	Trần Ngọc Tường Vy	12/04/2004	10A1	4.3	6.3	3.45	2.0	1.67	7.1	8.3	5.5	9.0	8.0	9.5	7.8	
47	000884	Nguyễn Đoàn Vân Anh	27/04/2004	10A10	2.5	6.3	2.25	1.6	1.25	5.1	4.0	1.8	5.8	4.5	2.5	5.8	
48	000885	Nguyễn Hoàng Anh	27/07/2004	10A10	4.3	5.0	1.8	1.0	1.90	4.7	4.0	2.8	5.8	4.5	5.8	5.8	
49	000911	Nguyễn Thị Tuyết Dung	07/12/2004	10A10	5.5	5.0	2.1	1.4	0.95	4.5	5.8	2.8	8.5	8.0	6.8	8.0	
50	000913	Nguyễn Thanh Dũng	21/08/2004	10A10	6.3	5.0	3.75	2.0	1.85	7.6	6.3	5.5	9.3	8.0	9.3	8.5	
51	000930	Phan Huỳnh Tiến Đạt	21/10/2004	10A10	3.0	6.0	1.5	1.4	0.00	2.9	4.0	5.0	9.3	5.0	7.3	7.0	
52	000952	Ngô Gia Hân	05/05/2004	10A10	6.3	5.8	3.3	0.8	1.85	6.0	7.0	5.0	9.0	8.0	9.0	7.5	
53	000955	Vũ Nguyễn Ngọc Hân	10/05/2004	10A10	9.0	6.8	4.2	1.8	2.00	8.0	10.0	7.0	8.8	10.0	9.8	8.5	
54	000963	Trương Tấn Hiền	22/08/2004	10A10	8.5	5.0	2.85	1.4	1.20	5.5	8.0	5.3	7.8	6.5	8.3	6.5	
55	000974	Nguyễn Huy Hoàng	29/08/2004	10A10	7.8	3.5	3.45	1.6	1.60	6.7	5.5	6.5	4.8	4.3	5.0	7.0	
56	000978	Nguyễn Phi Hùng	09/05/2004	10A10	6.3	3.3	2.55	1.2	1.65	5.4	4.0	4.0	3.0	2.8	2.5	6.0	
57	000979	Trần Đức Hùng	09/09/2004	10A10	3.5	5.3	1.8	0.8	0.45	3.1	2.0	1.0	4.3	9.0	5.0	6.5	

58	000987	Tôn Thất Hoàng Huy	31/01/2004	10A10	3.0	6.5	4.05	1.6	1.35	7.0	7.0	3.5	6.8	5.5	4.5	6.0	
59	001002	Vũ Thị Quỳnh Hương	19/01/2004	10A10	7.8	7.5	4.2	1.6	2.00	7.8	9.0	7.8	9.3	8.0	8.8	8.8	
60	001031	Nguyễn Thị Tuyết Loan	08/07/2004	10A10	6.0	6.5	3.15	1.4	1.05	5.6	6.8	2.8	8.3	8.0	7.8	6.0	
61	001033	Nguyễn Gia Long	21/03/2004	10A10	5.8	3.5	2.55	1.6	1.00	5.2	6.0	5.0	8.3	6.8	4.0	8.0	
62	001035	Nguyễn Tấn Lộc	05/08/2004	10A10	6.5	5.0	2.1	1.6	1.00	4.7	8.5	4.8	7.0	3.5	7.0	8.0	
63	001046	Lê Hoàng Minh	20/09/2004	10A10	7.0	5.5	3.9	1.6	2.00	7.5	9.0	4.0	8.3	7.3	8.0	9.0	
64	001080	Trần Nguyễn Bảo Nghi	13/09/2004	10A10	7.3	6.3	3.45	1.6	1.05	6.1	8.0	5.8	9.0	5.0	4.8	7.0	
65	001083	Nguyễn Lê Bích Ngọc	10/10/2004	10A10	8.3	7.5	3.45	1.6	2.00	7.1	7.5	3.5	8.8	5.5	7.3	9.3	
66	001090	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	20/12/2003	10A10	7.8	8.0	3.45	1.4	1.00	5.9	9.0	5.5	10.0	10.0	9.3	8.3	
67	001092	Phạm Thị Thanh Nhân	10/02/2004	10A10	8.5	6.8	3.3	1.6	1.85	6.8	8.3	6.0	10.0	10.0	9.5	7.5	
68	001111	Bùi Thị Thanh Như	02/10/2004	10A10	8.3	8.0	4.05	1.4	2.00	7.5	8.8	4.8	8.3	9.0	8.3	8.5	
69	001113	Lâm Tâm Như	13/06/2004	10A10	7.3	5.8	4.05	1.6	1.75	7.4	5.0	6.0	7.0	5.5	7.0	6.3	
70	001122	Trần Mai Nhật Phàm	02/09/2004	10A10	3.5	7.3	2.7	1.2	0.90	4.8	4.0	3.0	6.5	5.3	6.3	3.3	
71	001129	Nguyễn Giang Triệu Phong	25/03/2004	10A10	8.0	6.8	2.55	1.4	1.85	5.8	9.0	4.0	9.0	6.0	9.0	8.5	
72	001141	Lê Nguyễn Hoài Phương	23/06/2004	10A10	5.3	4.3	2.55	1.6	1.25	5.4	6.5	5.3	6.5	5.8	6.5	6.5	
73	001145	Phạm Thị Bích Phượng	20/11/2004	10A10	3.8	6.8	2.25	1.4	1.75	5.4	5.5	4.8	5.0	4.0	3.5	4.8	
74	001150	Nguyễn Anh Quốc	21/04/2003	10A10	6.3	5.3	3	1.6	1.35	6.0	9.0	3.8	9.5	5.5	8.3	7.0	
75	001156	Đào Tấn Sang	04/12/2004	10A10	5.0	5.0	3.9	1.6	2.00	7.5	6.5	2.8	8.5	8.0	7.3	8.8	
76	001157	Nguyễn Văn Sang	01/01/2004	10A10	8.5	4.0	4.35	1.6	2.00	8.0	7.5	5.8	9.0	5.3	8.3	8.3	
77	001171	Bùi Thị Tâm	16/11/2003	10A10	6.3	7.3	3.3	1.6	0.95	5.9	7.0	2.3	8.8	8.0	8.3	6.0	
78	001180	Huyền Ngọc Thanh	27/03/2004	10A10	5.3	6.0	3.45	1.4	1.90	6.8	8.3	2.8	7.0	8.0	6.5	7.8	
79	001186	Nguyễn Tấn Thành	30/07/2004	10A10	4.5	2.0	2.1	1.2	1.70	5.0	3.5	5.0	5.3	5.0	3.0	6.8	
80	001205	Nguyễn Hiếu Thuận	18/01/2004	10A10	6.0	7.3	2.85	1.6	1.10	5.6	7.5	4.5	7.8	9.0	8.5	8.3	
81	001219	Trần Phạm Anh Thư	03/09/2004	10A10	5.5	5.5	3.3	1.8	1.85	7.0	6.0	4.5	8.3	5.0	9.3	9.3	
82	001225	Tạ Hoài Thương	09/10/2004	10A10	7.0	5.0	3.3	1.2	1.10	5.6	6.3	5.5	8.3	8.0	7.3	8.8	
83	001231	Hoàng Thị Cẩm Tiên	25/04/2004	10A10	8.5	6.5	3.3	1.2	1.90	6.4	8.5	4.5	8.8	10.0	8.8	9.8	
84	001234	Phạm Thị Thủy Tiên	16/10/2004	10A10	6.3	4.3	2.85	1.4	0.95	5.2	4.0	3.5	6.3	3.5	4.5	6.8	
85	001262	Trần Thị Tuyết Trinh	28/07/2004	10A10	7.5	6.8	3.75	1.4	1.90	7.1	9.5	6.0	9.0	10.0	9.0	9.3	
86	001263	Nguyễn Đức Trọng	23/12/2004	10A10	7.5	4.3	3.15	1.0	0.80	5.0	8.0	7.3	8.0	9.0	8.3	6.5	
87	001293	Ngô Thái Vũ	30/10/2004	10A10	4.0	4.3	1.8	1.2	0.20	3.2	3.3	3.3	8.5	6.5	7.8	6.3	
88	001301	Nguyễn Trương Thảo Vy	26/12/2004	10A10	6.5	6.0	4.2	1.6	1.45	7.3	6.0	8.0	10.0	10.0	8.0	7.3	

89	001317	Võ Ngọc Như Ý	19/09/2004	10A10	9.0	6.0	4.05	1.6	1.80	7.5	8.3	5.0	9.3	8.0	8.8	7.5	
90	000907	Nguyễn Chí Cường	13/11/2004	10A2	4.3	5.5	3	2.0	1.25	6.3	7.5	6.5	9.0	2.5	9.5	6.5	
91	000909	Nguyễn Ngọc Diệp	04/07/2004	10A2	8.0	7.3	3.75	1.6	1.90	7.3	6.5	9.3	9.8	9.3	10.0	9.0	
92	000932	Trần Tấn Đạt	02/09/2004	10A2	6.8	6.5	3.3	1.6	1.55	6.5	10.0	7.3	8.3	7.0	9.3	8.8	
93	000953	Nguyễn Hà Ngọc Hân	26/09/2004	10A2	1.8	3.3	3.6	2.0	1.30	6.9	4.0	3.0	5.0	2.3	7.5	5.0	
94	000962	Nguyễn Thị Thu Hiền	31/10/2004	10A2	6.3	6.8	3.6	2.0	1.10	6.7	9.8	6.5	8.0	10.0	9.5	9.0	
95	000973	Ngô Huy Hoàng	30/05/2004	10A2	4.5	3.5	1.8	0.8	0.50	3.1	3.0	4.3	5.0	4.0	6.3	5.5	
96	000975	Nguyễn Kim Hồng	16/07/2004	10A2	7.0	7.3	4.5	1.8	1.60	7.9	7.5	6.5	8.0	7.5	9.3	8.8	
97	000980	Nguyễn Đăng Huy	11/01/2004	10A2	1.3	3.0	3.15	2.0	0.85	6.0	6.8	4.0	6.0	5.5	9.0	8.3	
98	000981	Nguyễn Nhất Huy	06/03/2004	10A2	2.8	8.0	3	2.0	1.55	6.6	10.0	7.3	7.0	7.5	8.5	7.0	
99	001005	Nguyễn Hoàng Khánh	01/01/2004	10A2	7.0	8.0	4.05	1.6	1.80	7.5	10.0	7.0	9.0	9.0	9.5	7.5	
100	001007	Nguyễn Quỳnh Kim Khánh	19/07/2004	10A2	0.5	5.0	2.25	1.6	0.15	4.0	0.8	3.8	5.5	3.0	7.0	6.0	
101	001055	Nguyễn Quỳnh Thảo My	19/07/2004	10A2	5.3	5.0	4.35	1.8	1.55	7.7	6.5	7.5	5.3	2.0	4.3	7.5	
102	001060	Nguyễn Thành Nam	11/05/2004	10A2	3.3	4.3	2.55	1.8	1.85	6.2	8.0	5.0	6.5	6.5	8.3	6.3	
103	001065	Đoàn Bảo Ngân	06/12/2004	10A2	8.0	8.5	4.05	1.8	1.80	7.7	10.0	9.5	7.8	10.0	9.8	8.0	
104	001071	Phạm Nguyễn Kim Ngân	06/11/2004	10A2	5.8	6.3	3.6	1.8	1.55	7.0	5.0	7.5	7.0	8.5	9.5	7.0	
105	001081	Nguyễn Hữu Nghĩa	26/02/2004	10A2	5.0	8.0	2.7	1.8	1.85	6.4	6.5	3.8	8.0	6.0	8.0	5.0	
106	001082	Huỳnh Bảo Ngọc	03/06/2004	10A2	6.5	7.0	4.05	2.0	1.90	8.0	7.0	7.3	9.0	9.5	8.8	7.3	
107	001093	Đỗ Lê Tiền Nhân	06/09/2004	10A2	8.3	6.5	4.5	1.6	2.00	8.1	10.0	9.3	9.3	10.0	9.8	9.3	
108	001098	Bùi Phan Yến Nhi	17/08/2004	10A2	4.0	5.3	4.8	2.0	1.80	8.6	1.5	7.3	5.5	5.8	6.5	6.8	
109	001106	Võ Ngọc Nhi	09/06/2004	10A2	3.3	7.8	3.3	1.8	1.30	6.4	0.8	4.0	5.0	5.0	3.5	5.3	
110	001109	Giang Thị Cẩm Nhung	29/12/2004	10A2	2.8	6.3	3.9	1.6	1.40	6.9	8.5	6.5	7.0	7.0	5.5	7.5	
111	001120	Nguyễn Huỳnh Kiều Oanh	07/12/2004	10A2	2.5	4.3	1.65	2.0	0.15	3.8	6.3	2.3	5.5	6.0	4.0	6.0	
112	001136	Nguyễn Trọng Phúc	04/04/2004	10A2	6.3	7.8	4.8	1.4	1.55	7.8	9.3	8.3	6.8	6.0	9.5	7.0	
113	001138	Nguyễn Phạm Thiện Phước	21/07/2004	10A2	2.0	3.0	3.15	2.0	0.80	6.0	5.0	5.8	5.5	6.0	7.5	5.5	
114	001162	Bạch Văn Tài	06/11/2004	10A2	0.8	5.5	2.4	1.8	0.10	4.3	3.0	2.0	6.5	5.5	4.5	3.8	
115	001174	Trương Thanh Tâm	08/09/2004	10A2	1.3	5.3	2.25	1.6	1.45	5.3	4.0	2.8	9.5	6.0	5.5	6.5	
116	001175	Lê Ngọc Thạch	05/10/2004	10A2	9.3	8.3	4.95	1.8	1.70	8.5	9.8	9.5	9.5	8.0	9.8	7.8	
117	001184	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	05/10/2004	10A2	6.0	6.3	4.05	1.8	1.90	7.8	8.8	8.0	7.0	6.0	9.5	8.8	
118	001187	Phạm Trường Thành	03/03/2004	10A2	5.3	7.3	4.05	2.0	1.45	7.5	8.3	5.8	8.8	8.5	5.8	6.3	
119	001190	Trần Nguyễn Mai Thảo	11/11/2004	10A2	1.0	5.3	1.95	1.8	0.40	4.2	7.0	3.0	5.3	5.0	7.5	6.3	

120	001193	Nguyễn Thị Hồng Thắm	02/11/2004	10A2	3.8	3.8	2.25	2.0	0.60	4.9	6.0	5.0	6.0	4.0	6.3	7.5	
121	001206	Hà Thị Thùy	20/02/2004	10A2	7.5	8.5	2.55	1.6	1.75	5.9	7.0	8.0	8.0	5.0	8.3	7.0	
122	001215	Nguyễn Ngọc Quế Thư	22/08/2003	10A2	5.0	4.3	3.45	1.2	1.40	6.1	6.3	8.0	8.5	8.5	9.0	8.3	
123	001218	Phú Ngọc Anh Thư	02/06/2004	10A2	3.5	3.8	3.45	1.6	1.35	6.4	6.3	5.5	7.0	6.0	7.8	7.0	
124	001224	Nguyễn Thị Ngọc Thương	23/10/2004	10A2	6.0	4.5	3.9	1.6	1.65	7.2	4.5	5.8	5.5	5.0	9.5	5.5	
125	001237	Nguyễn Minh Tiến	24/05/2004	10A2	7.8	6.8	4.05	1.6	1.55	7.2	8.0	8.5	9.3	9.5	10.0	9.3	
126	001238	Phan Thanh Tiến	18/05/2004	10A2	8.3	3.8	3.3	0.9	1.65	5.9	8.5	8.3	8.5	10.0	9.0	9.3	
127	001244	Ngô Thị Thu Trang	05/10/2004	10A2	7.8	6.5	4.2	1.6	2.00	7.8	10.0	8.5	7.3	8.5	9.5	8.0	
128	001291	Đào Huy Vũ	27/05/2004	10A2	4.3	6.0	2.85	2.0	1.30	6.2	9.0	4.3	8.0	6.5	9.0	8.0	
129	001295	Nguyễn Trường Vũ	04/12/2004	10A2	6.5	6.5	3.45	1.6	1.70	6.8	4.3	8.3	8.8	6.8	9.3	6.8	
130	001298	Lê Nguyễn Tường Vy	26/02/2004	10A2	8.8	7.3	3.6	1.6	1.75	7.0	7.5	9.8	9.0	10.0	8.5	8.8	
131	001308	Trần Nguyễn Thúy Vy	22/09/2004	10A2	4.3	2.8	3	1.8	1.10	5.9	5.3	5.0	5.3	5.0	5.8	6.5	
132	001312	Triệu Vỹ	25/02/2004	10A2	7.8	6.5	4.2	1.8	1.85	7.9	8.8	7.5	8.5	8.5	10.0	8.8	
133	000888	Trương Quỳnh Anh	09/06/2004	10A3	3.5	6.3	3.45	1.8	1.90	7.2	10.0	7.8	9.0	8.0	6.0	7.3	
134	000891	Trần Ngọc Ánh	08/07/2004	10A3	6.5	5.5	4.35	1.8	2.00	8.2	6.5	5.3	5.5	6.0	6.8	7.0	
135	000898	Võ Như Bình	23/02/2004	10A3	6.0	4.5	3.6	1.8	2.00	7.4	7.0	7.3	8.8	4.0	7.0	5.8	
136	000920	Nguyễn Huỳnh Mỹ Duyên	18/12/2004	10A3	9.0	7.3	4.2	1.8	1.90	7.9	7.0	8.8	10.0	9.0	9.5	9.5	
137	000921	Đặng Thùy Dương	18/07/2004	10A3	9.0	8.0	4.35	1.8	2.00	8.2	9.3	8.3	9.3	8.0	9.5	9.3	
138	000925	Lê Thị Hồng Đào	19/03/2004	10A3	8.3	6.3	4.35	1.8	2.00	8.2	10.0	8.8	9.0	6.0	9.3	9.3	
139	000931	Trần Tấn Đạt	22/06/2004	10A3	8.0	7.0	3.45	0.6	2.00	6.1	10.0	8.0	8.3	9.8	7.0	7.5	
140	000938	Bùi Trung Hải	22/02/2004	10A3	3.5	6.3	3.3	1.8	1.70	6.8	7.5	4.0	9.3	6.5	6.8	9.5	
141	000943	Trần Thanh Hải	06/10/2004	10A3	3.5	8.5	3.9	1.2	1.70	6.8	6.0	4.0	9.0	6.3	8.8	5.8	
142	000960	Nguyễn Phúc Thảo Hiền	02/08/2004	10A3	8.8	7.8	4.2	1.8	2.00	8.0	9.8	8.8	9.3	8.5	10.0	10.0	
143	000964	Bùi Thanh Hiệp	23/01/2004	10A3	5.0	3.8	3.3	1.6	1.30	6.2	5.8	1.8	2.5	5.0	3.5	7.5	
144	000966	Lê Huỳnh Trung Hiếu	01/08/2004	10A3	3.3	3.5	3.45	1.2	1.25	5.9	1.5	2.3	0.8	1.3	4.0	6.8	
145	000972	Cao Gia Hoàng	06/08/2004	10A3	8.3	4.5	5.25	1.8	2.00	9.1	8.8	7.0	8.3	8.0	5.8	8.8	
146	000997	Nguyễn Quỳnh Hương	14/10/2004	10A3	8.3	7.0	4.65	1.8	1.70	8.2	7.5	6.3	8.5	5.5	7.0	7.0	
147	000999	Phạm Dương Thu Hương	07/05/2004	10A3	4.0	7.0	3	1.4	1.70	6.1	6.0	6.0	5.8	5.5	5.0	8.3	
148	001004	Nguyễn Trọng Khanh	02/01/2004	10A3	5.0	6.5	4.5	1.8	1.85	8.2	7.5	5.8	8.3	7.5	6.5	9.0	
149	001009	Phạm Thái Khôi	08/04/2004	10A3	8.3	7.5	3.9	1.8	1.85	7.6	7.3	6.0	10.0	4.0	9.3	8.0	
150	001025	Nguyễn Hà Phương Linh	04/04/2004	10A3	5.5	6.0	4.05	1.6	1.55	7.2	8.0	8.8	9.3	2.5	6.5	5.5	

151	001043	Phạm Hiệp Mạnh	14/09/2004	10A3	5.8	3.8	3.9	1.8	2.00	7.7	7.0	6.5	8.5	4.0	9.3	8.5	
152	001056	Phạm Thị Ngọc My	11/03/2004	10A3	5.8	7.3	4.5	1.8	1.85	8.2	10.0	8.5	9.0	7.8	9.5	9.3	
153	001058	Lê Phương Nam	29/01/2004	10A3	7.3	6.8	4.95	1.8	1.75	8.5	5.0	8.8	8.5	7.0	7.8	8.5	
154	001069	Nguyễn Ngọc Phượng Ngân	25/01/2004	10A3	8.0	8.3	4.5	1.8	2.00	8.3	7.0	8.5	9.3	8.0	8.8	8.5	
155	001073	Phạm Lê Kim Ngân	11/05/2004	10A3	6.5	6.0	3.6	1.0	2.00	6.6	6.5	5.0	8.8	7.0	7.8	7.5	
156	001089	Lê Nguyễn Hoàng Nguyên	31/07/2004	10A3	4.8	6.0	4.05	1.6	1.85	7.5	4.3	3.8	8.0	5.8	7.3	8.3	
157	001091	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	12/06/2004	10A3	3.5	6.8	3.75	1.8	2.00	7.6	3.8	6.3	6.5	3.5	7.3	7.8	
158	001094	Nguyễn Thành Nhân	20/10/2004	10A3	4.0	5.3	3.15	1.8	2.00	7.0	4.5	3.3	7.0	8.0	9.0	5.5	
159	001110	Phạm Thị Ngọc Nhung	12/11/2004	10A3	8.0	7.3	3.45	1.6	2.00	7.1	9.0	8.3	9.0	9.0	9.5	7.8	
160	001117	Đỗ Thị Hoài Ny	23/12/2003	10A3	3.5	5.0	2.85	1.4	1.90	6.2	7.8	3.5	5.0	3.0	6.8	4.5	
161	001121	Nguyễn Kiều Oanh	05/12/2002	10A3	7.5	7.8	4.5	1.8	2.00	8.3	9.3	6.3	8.8	7.0	9.0	6.3	
162	001130	Nguyễn Hoàng Ngọc Phong	17/08/2004	10A3	3.5	3.5	3	1.8	1.45	6.3	6.8	6.0	4.3	5.0	5.8	3.5	
163	001135	Nguyễn Hồng Gia Phúc	26/09/2004	10A3	1.8	5.3	4.05	2.0	1.70	7.8	2.5	3.0	6.0	4.0	6.3	6.5	
164	001152	Nguyễn Minh Quý	12/02/2004	10A3	8.0	7.3	4.35	1.8	2.00	8.2	9.0	8.0	10.0	10.0	10.0	8.8	
165	001160	Lê Hoàng Sơn	31/05/2004	10A3	6.3	7.0	3.15	1.4	1.70	6.3	8.5	5.3	8.5	8.0	9.5	6.8	
166	001165	Lư Nguyễn Anh Tài	15/07/2004	10A3	4.3	6.5	3	1.6	1.55	6.2	8.3	8.3	6.5	6.5	9.8	8.5	
167	001192	Lê Hoàng Thắm	28/07/2004	10A3	8.3	7.0	3.45	1.8	2.00	7.3	8.5	8.5	8.8	8.0	9.8	9.3	
168	001199	Võ Hoàng Minh Thiện	20/07/2003	10A3	6.8	5.5	3.75	0.6	1.90	6.3	8.5	5.0	8.8	9.3	8.8	9.3	
169	001221	Võ Nguyễn Minh Thư	26/04/2004	10A3	5.8	5.8	3.9	1.4	1.90	7.2	5.0	3.5	6.0	5.0	6.5	9.5	
170	001233	Nguyễn Lê Nhật Tiên	09/09/2003	10A3	7.8	7.5	3.45	1.8	1.70	7.0	6.8	8.3	9.3	9.0	10.0	9.0	
171	001261	Nguyễn Tiến Triển	15/03/2004	10A3	8.5	7.0	3.9	1.6	2.00	7.5	9.5	8.3	8.3	8.5	9.5	6.5	
172	001269	Mai Cẩm Tú	28/11/2004	10A3	7.5	8.0	4.35	1.8	2.00	8.2	7.5	7.8	7.8	5.3	9.3	8.5	
173	001277	Mai Nguyễn Thanh Tùng	23/11/2003	10A3	7.0	5.0	3.15	0.6	2.00	5.8	5.0	4.0	8.3	6.0	8.0	5.8	
174	001279	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	30/10/2004	10A3	8.0	7.5	4.35	1.6	2.00	8.0	10.0	9.0	8.8	8.5	10.0	9.8	
175	001282	Đoàn Thụy Minh Uyên	01/12/2004	10A3	1.5	7.3	2.55	1.4	0.70	4.7	5.3	4.3	6.3	5.8	5.0	5.8	
176	001288	Hoàng Đại Vĩ	14/09/2004	10A3	5.0	7.0	3.6	1.6	1.55	6.8	8.0	8.3	7.5	5.5	5.3	6.5	
177	001305	Phan Nguyễn Huyền Vy	01/10/2004	10A3	5.3	5.3	4.5	1.8	1.70	8.0	2.5	6.0	8.0	5.0	7.3	5.8	
178	001318	Nguyễn Thị Hoàng Yến	12/02/2004	10A3	5.5	7.0	3.45	1.4	2.00	6.9	5.0	5.0	8.5	3.5	6.5	8.3	
179	000881	Chu Ngọc Phương Anh	25/08/2004	10A4	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
180	000882	Đinh Thị Ngọc Anh	22/04/2004	10A4	7.0	7.0	2.7	1.6	1.70	6.0	8.0	4.3	8.5	8.0	9.5	7.8	
181	000904	Trương Thị Hồng Cúc	06/11/2004	10A4	6.5	7.0	3.45	1.6	1.50	6.6	9.3	5.8	10.0	8.0	8.5	7.8	

182	000906	Hứa Trí Cường	10/09/2004	10A4	2.3	4.3	2.55	1.4	1.25	5.2	6.0	2.3	9.0	4.0	7.3	7.3	
183	000910	Võ Quốc Dinh	05/05/2004	10A4	6.0	5.0	1.95	1.4	1.25	4.6	9.0	6.3	9.0	5.0	8.5	7.5	
184	000914	Trịnh Văn Dũng	22/08/2004	10A4	8.0	6.0	2.85	1.2	0.90	5.0	9.5	6.0	8.5	6.0	7.3	7.0	
185	000923	Nguyễn Thùy Dương	19/05/2004	10A4	5.5	6.5	2.4	1.6	1.50	5.5	10.0	5.5	9.5	5.8	8.5	7.3	
186	000934	Nguyễn Trí Đức	08/10/2004	10A4	7.8	6.3	3.75	1.8	1.45	7.0	7.5	8.0	7.8	7.5	9.0	4.8	
187	000951	Lê Thị Bích Hân	13/05/2004	10A4	6.3	5.5	3	1.8	1.20	6.0	7.5	5.5	7.3	8.0	8.8	7.8	
188	000957	Nguyễn Trung Hậu	14/12/2004	10A4	6.5	5.8	1.35	1.8	0.70	3.9	9.5	4.8	8.0	5.3	2.3	6.5	
189	001010	Nguyễn An Khương	04/01/2004	10A4	6.5	7.5	4.35	2.0	1.00	7.4	6.3	6.8	8.0	5.0	9.3	8.3	
190	001015	Trần Gia Kiệt	22/09/2004	10A4	6.5	6.3	2.25	2.0	0.90	5.2	8.5	7.3	7.3	5.0	3.8	5.8	
191	001021	Bùi Thị Ngọc Linh	18/02/2004	10A4	7.5	7.8	3.9	1.4	1.10	6.4	10.0	6.3	5.8	4.0	9.5	6.8	
192	001030	Nguyễn Ngọc Thanh Loan	05/09/2004	10A4	7.0	8.0	4.05	1.8	1.90	7.8	9.3	8.5	10.0	5.5	10.0	8.0	
193	001039	Huỳnh Thị Thu Mai	14/09/2004	10A4	5.8	8.0	2.25	2.0	0.60	4.9	7.0	4.3	8.0	5.5	8.3	8.0	
194	001040	Nguyễn Ngọc Mai	16/07/2004	10A4	5.0	5.0	1.5	1.4	1.30	4.2	8.0	5.0	8.5	8.0	9.5	7.0	
195	001044	Nguyễn Trí Mẫn	03/07/2001	10A4	4.5	5.5	1.95	1.8	0.25	4.0	8.0	5.0	8.0	7.0	5.5	8.0	
196	001061	Nguyễn Trung Hiếu Nam	22/04/2004	10A4	8.0	6.5	3.9	1.8	1.70	7.4	9.5	9.0	8.3	6.5	9.0	7.5	
197	001084	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	23/01/2004	10A4	7.0	7.0	2.4	1.8	0.75	5.0	9.0	7.3	9.0	5.0	6.3	7.0	
198	001086	Phan Nguyễn Thúy Ngọc	14/11/2004	10A4	4.3	5.8	3.9	1.6	0.60	6.1	6.0	3.0	8.5	5.0	6.3	7.5	
199	001095	Nguyễn Thành Nhân	12/10/2004	10A4	6.0	6.0	1.65	1.8	1.90	5.4	7.0	6.0	5.3	3.5	6.0	5.3	
200	001103	Nguyễn Uyên Nhi	17/06/2004	10A4	8.5	8.5	3.9	2.0	1.90	7.8	10.0	9.5	10.0	8.5	10.0	9.0	
201	001115	Phạm Minh Nhật	26/04/2004	10A4	2.3	4.8	2.4	0.8	0.20	3.4	4.8	2.5	3.0	2.5	5.0	5.3	
202	001116	Vương Quốc Ninh	19/01/2004	10A4	8.3	6.0	3.3	1.8	1.60	6.7	5.0	6.8	6.0	6.5	9.3	5.5	
203	001124	Đỗ Tiến Phát	21/08/2003	10A4	6.8	6.0	2.4	2.0	0.45	4.9	6.0	6.5	2.3	7.0	8.0	4.3	
204	001134	Lê Trọng Phúc	10/09/2004	10A4	9.0	7.5	3.15	1.4	1.55	6.1	9.8	7.8	8.8	7.0	9.3	7.8	
205	001158	Quảng Minh Sang	01/10/2004	10A4	1.8	5.3	2.55	1.4	0.45	4.4	4.0	1.5	2.5	7.0	4.0	5.8	
206	001166	Nguyễn Đức Tài	28/11/2004	10A4	5.3	5.0	1.95	1.8	0.00	3.8	7.8	7.0	6.0	6.5	3.8	4.5	
207	001170	Trần Nguyễn Tấn Tài	16/05/2004	10A4	10.0	7.8	4.05	1.6	1.90	7.6	9.8	9.0	8.3	9.0	9.8	8.5	
208	001200	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	07/09/2004	10A4	7.0	6.5	3.6	1.8	2.00	7.4	10.0	9.8	8.8	9.0	9.0	7.5	
209	001201	Đào Ngọc Thông	07/03/2004	10A4	7.5	6.5	4.35	2.0	1.85	8.2	9.0	8.5	9.5	8.5	9.8	7.3	
210	001203	Lê Duy Thuận	04/09/2004	10A4	0.0	3.0	2.1	1.6	0.20	3.9	0.5	5.0	2.0	2.5	6.0	0.5	
211	001209	Giang Võ Quỳnh Anh Thư	09/08/2004	10A4	5.3	5.5	2.1	1.2	0.50	3.8	8.0	4.3	2.0	5.0	6.5	7.0	
212	001212	Lương Thị Thanh Thư	05/08/2004	10A4	4.8	5.5	2.1	1.6	0.90	4.6	9.0	5.3	7.0	4.0	9.5	5.8	

213	001226	Trần Thanh Thương	02/09/2004	10A4	9.0	8.3	4.35	1.8	1.90	8.1	9.8	8.8	9.8	8.0	9.8	8.8	
214	001235	Phan Thị Kim Tiên	14/09/2004	10A4	5.8	6.5	2.55	1.8	0.75	5.1	7.0	6.3	5.0	6.0	9.0	5.3	
215	001236	Trần Mai Yến Tiên	28/06/2004	10A4	8.8	8.0	4.8	1.8	1.90	8.5	10.0	9.5	9.5	9.0	10.0	8.3	
216	001252	Nguyễn Thị Bích Trâm	13/01/2004	10A4	7.8	6.3	4.05	2.0	1.55	7.6	8.5	7.8	7.5	8.0	9.5	7.5	
217	001254	Nguyễn Ngọc Trân Trân	29/11/2004	10A4	5.8	5.8	2.4	1.8	0.20	4.4	8.0	7.5	7.3	6.0	9.0	7.8	
218	001270	Nguyễn Bảo Tú Tú	01/04/2004	10A4	5.8	7.8	2.85	2.0	1.70	6.6	6.8	8.5	8.3	7.5	10.0	6.3	
219	001271	Phan Quốc Tú	19/11/2004	10A4	7.8	7.8	4.35	1.8	1.35	7.5	9.8	7.0	9.8	6.5	8.0	7.0	
220	001273	Huỳnh Mạnh Tuấn	18/03/2004	10A4	8.8	7.0	3.75	1.8	1.85	7.4	9.3	8.5	9.8	8.0	10.0	8.5	
221	001284	Lương Thị Thanh Vân	27/12/2004	10A4	6.3	7.5	3.75	1.6	2.00	7.4	7.8	6.8	9.5	8.0	7.5	6.5	
222	001302	Nguyễn Phúc Tường Vy	02/11/2004	10A4	5.0	6.5	2.7	1.6	0.30	4.6	5.0	2.0	5.0	5.5	5.5	6.3	
223	001314	Nguyễn Thị Kim Xuân	23/09/2004	10A4	6.8	5.8	3.3	2.0	1.55	6.9	8.8	6.3	9.3	7.5	9.3	8.0	
224	000887	Phạm Hoàng Duy Anh	12/10/2004	10A5	6.0	3.0	4.35	1.8	2.00	8.2	7.5	6.3	7.8	5.0	9.8	2.8	
225	000915	Nguyễn Thanh Duy	06/03/2004	10A5	8.5	5.5	3.3	1.8	2.00	7.1	8.3	6.5	7.8	4.0	9.5	7.3	
226	000933	Lê Huỳnh Đức	01/05/2004	10A5	6.8	7.3	3.6	1.4	1.90	6.9	7.5	5.5	7.5	6.5	8.0	6.0	
227	000941	Nguyễn Thanh Thiên Hải	27/12/2004	10A5	5.0	6.8	2.7	2.0	1.55	6.3	7.5	4.0	8.5	6.5	9.3	6.5	
228	000942	Phan Lê Ngọc Hải	27/11/2004	10A5	5.5	6.5	3.75	1.6	2.00	7.4	8.0	4.0	8.0	5.3	9.3	8.0	
229	000944	Nguyễn Trần Hiếu Hạnh	21/02/2004	10A5	7.8	8.5	4.35	1.4	1.90	7.7	10.0	8.3	9.8	8.0	9.5	8.5	
230	000988	Trần Nhật Huy	09/10/2004	10A5	7.8	5.3	4.05	1.8	1.70	7.6	9.0	6.0	9.3	5.0	8.8	7.5	
231	000995	Võ Hoàì Hưng	10/04/2004	10A5	8.3	6.5	4.05	1.4	1.90	7.4	9.0	6.0	9.3	9.0	9.8	8.0	
232	001008	Nguyễn Quang Đăng Khoa	14/12/2004	10A5	7.8	3.5	3	1.0	2.00	6.0	9.5	5.5	6.5	6.0	10.0	5.8	
233	001013	Cao Tuấn Kiệt	11/10/2004	10A5	6.8	6.3	3.3	1.6	2.00	6.9	9.0	8.5	9.5	8.3	9.5	6.8	
234	001029	Tiền Huệ Linh	05/11/2004	10A5	5.8	2.5	4.5	1.6	2.00	8.1	8.8	3.3	7.8	2.8	9.0	8.0	
235	001045	Đoàn Văn Minh	19/06/2004	10A5	6.5	5.5	4.35	1.8	1.90	8.1	8.5	7.3	8.5	8.8	9.5	8.5	
236	001054	Nguyễn Hà My	07/09/2004	10A5	9.0	7.0	4.5	2.0	1.80	8.3	10.0	10.0	9.5	8.0	9.8	9.5	
237	001070	Nguyễn Thanh Thanh Ngân	29/09/2004	10A5	8.0	8.3	4.95	2.0	2.00	9.0	9.5	5.8	7.0	7.0	8.8	7.8	
238	001074	Trần Lê Bảo Ngân	07/04/2004	10A5	6.3	8.0	3.45	1.2	1.85	6.5	8.5	7.5	7.8	3.5	8.5	6.0	
239	001079	Trần Gia Nghi	06/09/2004	10A5	9.0	8.8	4.65	2.0	2.00	8.7	10.0	9.5	9.5	10.0	9.3	9.3	
240	001088	Trần Thị Bích Ngọc	21/09/2004	10A5	8.5	2.3	3.3	1.6	1.70	6.6	8.5	5.0	5.3	1.5	9.8	7.8	
241	001096	Nguyễn Trọng Nhân	29/01/2004	10A5	9.3	6.8	3.9	2.0	1.90	7.8	9.5	9.0	8.8	8.8	7.3	8.5	
242	001099	Hồ Thành Nhi	29/05/2004	10A5	7.3	3.5	3.6	1.6	1.75	7.0	7.0	3.5	5.8	3.0	10.0	5.8	
243	001101	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	03/12/2004	10A5	5.5	5.8	3	1.6	2.00	6.6	8.3	4.5	5.5	8.5	8.0	6.0	

244	001132	Huỳnh Thanh Phúc	19/01/2004	10A5	8.3	6.5	4.95	1.8	2.00	8.8	8.8	8.5	9.5	8.5	9.5	9.3	
245	001140	Lê Minh Phương	29/03/2004	10A5	6.3	5.5	4.35	1.8	1.85	8.0	9.0	6.3	9.0	7.0	9.0	8.5	
246	001149	Tăng Gia Quân	04/10/2004	10A5	8.8	5.5	3.9	1.6	2.00	7.5	9.0	7.5	8.5	7.5	9.0	6.8	
247	001159	Vũ Cao Sang	25/08/2004	10A5	6.3	7.5	3.9	1.8	2.00	7.7	10.0	4.0	8.3	9.0	8.5	7.5	
248	001167	Nguyễn Tấn Tài	12/11/2004	10A5	5.3	6.0	4.2	2.0	1.85	8.1	7.3	3.8	6.5	6.0	7.3	7.8	
249	001177	Trần Quốc Thái	05/10/2004	10A5	8.5	5.5	3.75	1.8	2.00	7.6	9.8	9.5	9.5	9.5	9.8	9.5	
250	001182	Nguyễn Kim Thanh	08/12/2003	10A5	6.8	4.5	3.45	1.8	1.90	7.2	7.0	4.5	6.5	6.0	9.0	7.5	
251	001191	Trần Thanh Thảo	26/12/2004	10A5	6.0	3.8	3.9	1.8	2.00	7.7	8.0	4.5	4.3	4.5	5.8	7.0	
252	001194	Huỳnh Văn Thắng	30/07/2004	10A5	6.5	3.0	2.7	1.4	1.75	5.9	8.0	6.5	5.0	5.5	8.8	7.3	
253	001207	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/09/2004	10A5	8.5	8.5	4.5	1.8	1.85	8.2	10.0	6.0	8.5	8.0	9.5	8.8	
254	001220	Trần Thị Minh Thư	11/07/2004	10A5	7.0	7.5	4.65	1.8	2.00	8.5	10.0	8.8	9.8	9.5	10.0	9.0	
255	001228	Phạm Đỗ Anh Thy	01/09/2004	10A5	8.3	7.8	3.9	1.8	2.00	7.7	9.3	8.3	9.5	9.0	9.8	8.0	
256	001232	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	19/11/2004	10A5	6.0	5.3	4.05	1.6	2.00	7.7	9.5	6.8	8.5	8.0	8.8	7.3	
257	001245	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/12/2004	10A5	7.8	5.5	3.75	1.8	1.75	7.3	8.5	5.5	9.3	5.0	9.3	8.0	
258	001258	Cao Văn Trí	19/07/2004	10A5	5.0	3.8	3.15	2.0	1.70	6.9	8.0	3.0	3.5	5.0	7.3	5.8	
259	001280	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	15/06/2004	10A5	6.8	7.0	4.2	1.6	1.85	7.7	9.0	5.3	8.5	7.0	9.5	8.3	
260	001286	Phạm Thị Hồng Vân	07/01/2004	10A5	6.8	7.3	4.65	2.0	2.00	8.7	7.8	5.0	9.3	7.8	9.5	6.5	
261	001289	Đặng Hoàng Việt	08/01/2004	10A5	9.3	6.5	4.35	1.6	1.90	7.9	9.5	8.8	10.0	10.0	10.0	10.0	
262	001292	Lã Nguyễn Tuấn Vũ	16/04/2004	10A5	6.0	5.8	4.05	1.4	2.00	7.5	9.3	7.0	7.0	7.8	9.3	6.0	
263	001304	Phạm Tường Vy	01/07/2004	10A5	6.5	6.5	4.05	1.8	1.75	7.6	7.5	5.0	9.3	5.8	8.8	8.5	
264	001310	Trần Thị Thanh Vy	19/09/2004	10A5	7.8	4.5	3	2.0	1.90	6.9	7.8	2.0	8.3	7.0	9.5	9.0	
265	001313	Vũ Hoàng Triệu Vỹ	29/07/2004	10A5	7.0	7.5	4.2	1.8	1.75	7.8	9.3	9.5	10.0	10.0	9.8	8.3	
266	001315	Nguyễn Ngọc Như Ý	23/07/2004	10A5	5.8	6.8	3.9	1.6	1.55	7.1	7.0	4.8	8.8	9.0	9.8	6.0	
267	000897	Nguyễn Như Bình	06/09/2004	10A6	4.0	8.0	3.45	1.4	1.85	6.7	6.5	6.5	8.0	7.5	8.5	9.5	
268	000908	Đỗ Thành Danh	09/04/2003	10A6	7.5	4.5	2.7	0.8	1.10	4.6	8.5	8.3	8.5	5.0	6.5	6.3	
269	000912	Cao Hoàng Dũng	08/09/2004	10A6	6.5	5.0	3.15	2.0	1.70	6.9	9.5	7.0	8.0	2.5	9.0	7.3	
270	000928	Nguyễn Thanh Đạt	04/02/2004	10A6	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
271	000936	Hà Hương Giang	23/10/2004	10A6	6.8	6.3	3.75	1.0	1.65	6.4	6.5	5.5	8.8	4.5	6.0	8.8	
272	000946	Lâm Chí Hào	31/03/2003	10A6	1.5	5.8	3.3	1.8	1.10	6.2	5.0	3.5	6.5	3.5	6.5	7.3	
273	000954	Nguyễn Huỳnh Bảo Hân	27/06/2004	10A6	8.3	7.8	4.5	1.6	2.00	8.1	10.0	9.3	9.5	8.3	9.3	8.0	
274	000956	Nguyễn Minh Hậu	20/04/2004	10A6	3.3	5.3	4.35	1.8	1.80	8.0	5.5	7.5	9.5	10.0	7.5	9.0	

275	000965	Bùi Minh Hiếu	06/10/2004	10A6	6.8	5.3	3.9	1.2	1.80	6.9	8.0	6.5	9.5	9.0	9.5	8.5	
276	000977	Phạm Đức Huân	27/11/2004	10A6	5.0	4.3	2.1	1.2	0.65	4.0	2.3	4.0	4.8	4.0	8.3	5.8	
277	000989	Vũ Gia Huy	16/11/2004	10A6	7.0	8.0	3.15	1.2	1.50	5.9	10.0	7.3	9.3	6.5	8.8	10.0	
278	000990	Nguyễn Hoàng Mỹ Huyền	22/01/2004	10A6	7.3	8.0	3.6	1.8	1.10	6.5	8.0	5.8	8.0	5.0	8.5	6.5	
279	000991	Trần Thị Ngọc Huyền	03/10/2004	10A6	9.0	8.3	4.35	1.8	2.00	8.2	10.0	8.8	9.0	9.0	9.8	9.8	
280	001001	Trần Huỳnh Hồng Hương	20/03/2004	10A6	5.3	8.0	3.6	1.4	1.90	6.9	8.5	7.0	8.8	5.0	5.5	8.8	
281	001016	Trần Quốc Kiệt	20/10/2004	10A6	5.0	6.5	3.15	2.0	0.90	6.1	6.8	5.0	5.3	5.0	6.8	5.0	
282	001022	Hắc Quỳnh Chúc Linh	20/11/2004	10A6	4.5	6.3	2.55	1.2	1.20	5.0	5.0	3.8	4.0	4.0	4.3	4.3	
283	001057	Hoàng Nam	29/04/2004	10A6	2.0	4.5	4.65	1.8	1.35	7.8	5.5	3.8	6.0	5.0	2.0	5.5	
284	001063	Vũ Bắc Trung Nam	03/05/2004	10A6	3.5	4.0	1.65	1.2	1.60	4.5	6.5	2.3	5.5	3.0	2.5	5.5	
285	001068	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	26/08/2004	10A6	6.5	7.3	3.9	1.6	2.00	7.5	8.5	8.5	8.5	5.5	7.0	9.3	
286	001076	Võ Thị Ngọc Ngân	17/02/2004	10A6	5.0	6.5	2.7	1.2	1.55	5.5	9.0	5.8	8.8	10.0	5.0	6.5	
287	001097	Phạm Minh Nhật	22/08/2004	10A6	6.5	6.3	3.15	1.4	1.80	6.4	6.5	4.0	5.5	3.0	8.3	5.3	
288	001104	Phan Ý Nhi	07/06/2004	10A6	5.5	7.5	4.2	0.4	1.30	5.9	9.0	7.3	9.8	10.0	9.8	8.0	
289	001142	Nguyễn Đông Phương	18/04/2004	10A6	3.8	3.5	2.55	1.6	1.45	5.6	7.0	4.5	6.3	5.8	5.0	6.0	
290	001144	Trần Nguyễn Nhưť Phương	24/05/2004	10A6	5.0	4.5	2.85	1.4	1.40	5.7	7.0	2.3	5.0	6.8	5.8	5.8	
291	001169	Nguyễn Văn Tài	19/06/2003	10A6	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
292	001172	Nguyễn Thanh Tâm	04/10/2004	10A6	1.8	6.0	2.85	1.4	1.00	5.3	6.5	1.5	7.8	4.5	3.3	6.8	
293	001179	Bùi Ngọc Kim Thanh	08/10/2004	10A6	4.5	4.0	2.85	0.6	1.40	4.9	4.0	2.3	6.3	4.5	1.0	4.8	
294	001196	Phạm Quang Thắng	01/06/2004	10A6	2.8	6.5	3.15	1.0	1.40	5.6	7.5	2.5	4.5	5.5	6.5	8.0	
295	001198	Nguyễn Diệu Thi	22/03/2004	10A6	5.8	6.3	3.75	0.8	1.60	6.2	8.5	8.0	8.5	7.0	7.5	7.8	
296	001210	Hoàng Anh Thư	17/12/2004	10A6	7.0	4.5	4.35	1.8	1.75	7.9	9.8	8.5	7.3	8.0	6.0	8.5	
297	001227	Nguyễn Minh Thy	15/05/2004	10A6	5.0	5.0	3.3	1.8	1.75	6.9	8.3	6.8	9.5	5.0	9.3	7.8	
298	001229	Bùi Thủy Tiên	21/04/2004	10A6	9.0	8.0	4.95	1.8	2.00	8.8	9.8	9.5	10.0	10.0	9.8	9.8	
299	001240	Trương Thị Mỹ Tiến	21/02/2004	10A6	4.8	5.8	3.3	2.0	0.65	6.0	8.3	4.3	6.8	5.3	5.8	7.3	
300	001243	Huỳnh Lữ Bình Trang	23/11/2004	10A6	7.5	6.0	3.3	1.6	1.90	6.8	8.5	7.8	9.3	8.5	5.5	8.0	
301	001246	Nguyễn Thị Thu Trang	29/06/2004	10A6	6.3	6.8	3.45	1.6	1.75	6.8	8.0	6.3	7.3	5.5	9.5	8.0	
302	001264	Phạm Nguyễn Thanh Trúc	22/09/2004	10A6	7.0	5.0	3.3	1.4	1.45	6.2	8.0	2.5	8.0	5.0	6.5	7.0	
303	001265	Trương Đức Trung	01/12/2004	10A6	2.8	5.0	2.55	1.4	1.60	5.6	7.0	5.0	7.5	8.0	7.8	8.5	
304	001267	Phạm Trung Trường	14/05/2004	10A6	5.5	6.0	2.55	2.0	1.00	5.6	6.0	6.3	8.0	5.0	7.3	6.5	
305	001268	Trần Xuân Trường	11/07/2004	10A6	8.5	7.8	5.1	2.0	2.00	9.1	9.8	9.5	9.5	9.5	9.5	9.0	

306	001276	Bạch Quang Tùng	03/03/2004	10A6	2.8	6.3	3	0.6	1.25	4.9	5.3	3.0	7.5	5.3	5.0	6.0	
307	001294	Nguyễn Anh Vũ	06/06/2004	10A6	4.3	5.0	3.6	1.2	2.00	6.8	5.0	6.5	6.0	6.0	4.3	7.5	
308	001311	Trần Thúy Vy	11/02/2004	10A6	5.0	5.0	1.5	1.4	0.95	3.9	5.8	4.0	8.0	1.8	6.0	7.0	
309	000880	Cao Nhật Anh	07/12/2004	10A7	7.5	7.3	4.05	1.8	1.55	7.4	9.5	9.3	7.8	6.5	9.5	8.3	
310	000889	Võ Tuấn Anh	24/05/2004	10A7	8.5	8.0	4.05	1.8	1.85	7.7	10.0	9.3	9.3	9.0	9.5	8.5	
311	000900	Trương Thị Kim Chi	02/03/2004	10A7	3.5	6.3	3.6	1.4	0.85	5.9	8.0	6.0	4.0	6.5	4.5	5.0	
312	000901	Nguyễn Thị Chúc	26/07/2004	10A7	7.0	6.0	2.85	1.2	2.00	6.1	7.5	5.8	9.5	5.0	8.3	5.0	
313	000903	Ngô Chiến Công	02/06/2003	10A7	8.5	6.0	4.2	2.0	2.00	8.2	8.5	8.3	8.3	9.0	9.0	8.3	
314	000926	Nguyễn Thị Hồng Đào	06/10/2004	10A7	8.8	7.5	3.6	2.0	2.00	7.6	8.8	3.0	9.5	6.5	7.3	7.8	
315	000937	Nguyễn Hữu Trường Giang	08/04/2004	10A7	9.0	8.0	5.1	1.8	1.90	8.8	10.0	8.5	9.8	10.0	10.0	9.5	
316	000947	Nguyễn Nhật Hào	27/03/2004	10A7	4.8	5.0	2.25	1.4	1.40	5.1	8.5	3.5	5.8	6.5	8.3	4.8	
317	000971	Phan Trọng Hoài	17/10/2004	10A7	7.8	5.0	2.7	1.4	1.55	5.7	9.0	6.3	6.0	6.8	7.0	7.8	
318	000983	Nguyễn Hoàng Huy	14/11/2004	10A7	7.5	7.0	3.15	2.0	2.00	7.2	10.0	7.3	7.8	6.0	5.8	8.3	
319	000992	Nguyễn Tấn Huỳnh	02/03/2003	10A7	5.0	6.3	3	1.6	1.45	6.1	9.0	5.0	3.8	5.3	4.5	6.5	
320	000993	Ngô Thanh Hưng	27/12/2004	10A7	8.0	7.0	3.75	1.8	1.85	7.4	10.0	9.5	9.8	6.5	8.5	9.8	
321	000996	Dương Thị Thu Hương	27/01/2004	10A7	7.0	7.0	3.75	1.8	1.40	7.0	8.5	7.5	8.3	5.0	8.0	6.5	
322	001011	Nguyễn Trung Kiên	01/07/2004	10A7	7.5	7.8	4.05	1.8	1.55	7.4	8.5	6.3	9.3	6.0	8.8	8.3	
323	001012	Võ Minh Kiên	08/12/2004	10A7	9.0	7.5	4.05	2.0	2.00	8.1	7.8	9.5	10.0	10.0	9.3	8.3	
324	001019	Khổng Thị Lệ	12/09/2004	10A7	8.0	7.5	4.2	2.0	1.90	8.1	7.0	8.5	10.0	6.3	9.8	8.3	
325	001026	Nguyễn Thị Ngọc Linh	18/07/2004	10A7	6.5	7.5	3.3	2.0	1.55	6.9	7.0	8.5	7.8	7.0	9.8	5.3	
326	001028	Phạm Thùy Linh	21/07/2004	10A7	8.0	6.3	3.3	2.0	1.05	6.4	5.5	3.0	7.0	5.0	3.5	8.3	
327	001050	Phan Văn Minh	27/01/2004	10A7	2.5	5.5	2.85	0.9	0.30	4.1	5.5	2.5	3.5	5.3	6.0	7.3	
328	001051	Trần Bảo Minh	21/04/2004	10A7	2.3	6.8	3.9	1.0	1.20	6.1	5.5	5.3	6.0	5.0	2.8	6.0	
329	001075	Võ Thị Kim Ngân	04/08/2004	10A7	8.8	8.5	4.8	2.0	1.90	8.7	10.0	8.8	8.3	7.0	7.8	9.5	
330	001078	Đặng Trúc Nghi	08/01/2004	10A7	9.0	7.3	3.45	1.8	1.55	6.8	6.5	5.0	8.3	9.5	6.0	7.5	
331	001085	Phạm Thị Hồng Ngọc	14/10/2004	10A7	6.5	6.5	3.3	1.4	1.55	6.3	8.5	6.8	7.0	7.3	7.0	8.0	
332	001107	Võ Phạm Ái Nhi	11/09/2004	10A7	8.5	8.0	3.9	1.6	2.00	7.5	8.8	6.5	9.5	9.0	9.5	7.8	
333	001133	Lâm Hoàng Phúc	28/07/2004	10A7	7.8	7.0	4.65	2.0	1.75	8.4	9.5	7.3	8.0	10.0	9.0	8.3	
334	001139	Chung Ngọc Uyên Phương	24/04/2004	10A7	6.8	8.0	3.45	2.0	1.40	6.9	6.5	5.8	9.8	8.5	9.0	6.5	
335	001146	Ngô Phú Quang	09/05/2004	10A7	6.3	8.0	3.3	1.8	1.85	7.0	8.5	5.8	8.0	7.8	7.0	5.5	
336	001148	Nguyễn Quang Quân	02/01/2004	10A7	7.3	8.0	3.75	2.0	1.85	7.6	10.0	6.5	9.3	10.0	5.3	7.5	

337	001154	Đinh Thị Diễm Quỳnh	27/07/2004	10A7	7.0	7.8	2.55	1.6	1.50	5.7	8.0	5.5	9.0	9.5	6.5	8.3	
338	001163	Lê Nguyễn Thành Tài	16/10/2004	10A7	7.3	7.0	4.5	1.9	2.00	8.4	10.0	6.8	5.0	5.0	4.0	7.0	
339	001176	Phan Quang Thái	28/08/2004	10A7	7.0	6.3	3.9	1.8	2.00	7.7	8.5	6.3	6.0	5.0	4.8	6.0	
340	001178	Trần Quốc Thái	25/02/2004	10A7	2.0	7.0	3.6	2.0	1.15	6.8	7.5	3.8	5.3	6.8	3.5	5.3	
341	001183	Nguyễn Thị Đan Thanh	18/08/2002	10A7	5.3	5.8	3.3	2.0	1.40	6.7	6.5	2.3	8.0	6.0	4.8	7.0	
342	001195	Phạm Nguyễn Thành Thắng	05/11/2004	10A7	6.3	5.8	2.85	1.4	1.75	6.0	9.0	6.0	7.3	5.5	6.0	7.5	
343	001208	Đinh Thị Anh Thư	31/01/2004	10A7	9.0	7.3	4.95	2.0	2.00	9.0	10.0	9.5	8.8	10.0	9.0	9.3	
344	001230	Dương Cát Tiên	07/04/2004	10A7	9.0	8.5	3.6	1.8	1.85	7.3	10.0	8.0	9.8	9.5	9.5	8.8	
345	001241	Võ Đặng Hoài Tiến	19/05/2004	10A7	3.3	6.0	3.45	1.8	1.55	6.8	6.5	2.5	9.3	8.8	9.3	5.5	
346	001250	Đặng Ngọc Minh Trâm	26/04/2004	10A7	1.8	6.0	3.45	1.6	1.55	6.6	7.5	4.8	6.0	7.5	7.8	7.5	
347	001253	Trần Thị Ngọc Trâm	28/02/2004	10A7	9.0	6.8	3.9	1.8	2.00	7.7	7.5	8.8	9.5	7.0	9.8	10.0	
348	001272	Võ Thành Tuấn	03/07/2004	10A7	5.5	7.5	3.75	1.1	2.00	6.9	9.8	6.5	9.5	4.0	8.5	5.5	
349	001281	Đào Nguyễn Phượng Uyên	02/09/2004	10A7	3.5	7.8	3.3	2.0	0.90	6.2	9.8	7.5	9.0	8.5	9.3	6.8	
350	001283	Đỗ Hoàng Duy Uyên	20/07/2004	10A7	7.8	7.0	3.6	1.8	1.35	6.8	10.0	7.3	9.5	5.0	9.3	6.8	
351	001287	Phạm Ngọc Thanh Vi	13/08/2004	10A7	7.8	7.5	3.6	1.4	2.00	7.0	9.8	8.0	9.5	9.5	9.3	8.0	
352	001307	Trần Ngọc Trà Vy	29/10/2004	10A7	8.8	6.5	3.6	1.4	1.75	6.8	8.8	8.3	9.3	8.0	8.8	6.0	
353	001316	Trần Thị Như Ý	02/02/2004	10A7	7.8	5.8	3.45	1.8	1.45	6.7	8.0	7.3	10.0	8.0	9.3	7.0	
354	000878	Võ Nhật An	22/12/2004	10A8	3.8	6.0	3.45	2.0	1.70	7.2	8.0	3.8	9.0	8.0	9.0	6.8	
355	000886	Nguyễn Tuấn Anh	02/05/2004	10A8	5.8	5.8	2.85	1.8	2.00	6.7	8.0	5.0	6.5	5.0	8.8	6.0	
356	000893	Lê Nhật Trúc Ân	20/10/2004	10A8	4.3	7.0	4.05	2.0	2.00	8.1	6.5	5.0	5.0	5.5	5.3	2.5	
357	000902	Phạm Hoàng Chương	21/10/2003	10A8	3.8	7.0	3.9	2.0	1.85	7.8	8.0	8.0	8.8	8.0	8.0	8.3	
358	000905	Đào Duy Cường	25/10/2004	10A8	3.8	6.0	3.3	2.0	1.70	7.0	9.8	6.8	9.5	8.0	7.8	6.3	
359	000916	Phạm Đức Duy	14/10/2004	10A8	4.3	7.0	3.45	2.0	1.40	6.9	5.0	4.0	5.3	3.8	5.5	4.5	
360	000919	Trần Quốc Duy	24/02/2004	10A8	8.0	6.5	4.65	2.0	1.90	8.6	9.8	8.8	8.5	8.0	9.3	7.5	
361	000922	Lê Thị Thùy Dương	30/07/2004	10A8	6.8	7.0	3.15	2.0	1.85	7.0	9.0	2.3	7.5	2.5	5.0	7.5	
362	000927	Phạm Hồng Đào	21/02/2004	10A8	5.3	7.3	3.75	1.6	1.90	7.3	9.5	5.0	8.3	3.0	7.0	5.8	
363	000935	Nguyễn Xuân Đức	05/04/2004	10A8	8.3	7.3	3.45	2.0	1.90	7.4	8.5	8.8	9.3	3.3	9.8	9.0	
364	000948	Huyền Nguyễn Thanh Hằng	27/08/2004	10A8	8.8	8.0	3.3	1.8	2.00	7.1	10.0	8.8	9.5	3.3	9.8	9.5	
365	000967	Tạ Thị Hoa	19/06/2004	10A8	6.8	7.0	3.6	2.0	2.00	7.6	8.8	7.3	3.5	7.0	6.5	6.0	
366	000986	Nguyễn Trần Gia Huy	05/12/2004	10A8	4.3	6.8	3	1.0	2.00	6.0	9.5	6.0	9.0	7.5	3.3	7.5	
367	000994	Nguyễn Gia Hưng	23/12/2004	10A8	4.0	6.0	3.3	2.0	1.90	7.2	9.0	5.0	9.0	4.0	6.8	7.3	

368	000998	Nguyễn Việt Hương	30/08/2004	10A8	4.0	7.8	4.2	1.6	2.00	7.8	7.5	4.0	9.3	7.0	5.5	7.8	
369	001006	Nguyễn Hồ Quốc Khánh	23/11/2004	10A8	6.5	6.5	4.05	1.8	2.00	7.9	10.0	5.8	6.8	4.0	6.3	7.8	
370	001014	Phan Anh Kiệt	10/05/2004	10A8	6.3	6.0	3.6	1.0	1.70	6.3	6.8	6.8	7.0	7.5	5.8	2.3	
371	001020	Nguyễn Thị Thu Liễu	03/09/2003	10A8	6.5	6.0	3.6	1.6	1.60	6.8	6.0	5.8	6.3	7.5	7.5	4.8	
372	001023	Huỳnh Cẩm Linh	07/09/2004	10A8	8.0	7.3	3.9	2.0	2.00	7.9	8.3	9.0	6.0	6.0	10.0	5.0	
373	001036	Trần Huỳnh Thành Lộc	26/03/2004	10A8	5.3	6.3	4.2	2.0	1.55	7.8	9.5	5.5	5.8	6.0	4.0	7.5	
374	001037	Nguyễn Vũ Luân	29/05/2004	10A8	5.0	6.8	2.7	2.0	1.30	6.0	8.5	1.3	7.8	3.5	8.3	7.5	
375	001049	Nguyễn Thái Minh	29/06/2004	10A8	4.0	5.8	3.45	2.0	1.85	7.3	7.5	2.8	7.0	8.0	7.0	8.3	
376	001059	Lưu Hoàng Nam	30/10/2004	10A8	4.0	5.5	3.75	2.0	2.00	7.8	10.0	4.0	7.0	5.0	6.8	7.0	
377	001064	Nguyễn Thị Tuyết Nga	27/10/2004	10A8	5.5	6.5	3.75	2.0	1.70	7.5	10.0	6.5	8.0	2.5	7.3	5.3	
378	001077	Dương Nguyễn Tuyết Nghi	18/11/2004	10A8	7.8	8.5	3.3	1.4	1.60	6.3	10.0	8.3	9.0	3.0	9.3	7.8	
379	001102	Nguyễn Tuyết Nhi	14/10/2004	10A8	7.0	6.0	3.45	1.8	1.85	7.1	8.0	4.3	8.8	6.0	6.3	8.5	
380	001119	Huỳnh Thị Kim Oanh	12/06/2004	10A8	3.3	4.8	2.25	2.0	1.40	5.7	5.3	3.3	4.0	5.5	6.0	3.3	
381	001125	Nguyễn Thành Phát	22/06/2004	10A8	5.3	6.3	3.45	2.0	1.55	7.0	8.3	4.3	8.0	5.5	9.3	8.3	
382	001127	Đặng Thanh Phong	11/05/2004	10A8	8.3	7.3	3.9	2.0	2.00	7.9	8.5	7.5	7.8	9.0	6.0	7.0	
383	001168	Nguyễn Thành Tài	28/01/2004	10A8	5.3	7.3	4.2	1.8	1.80	7.8	7.0	4.0	5.5	3.0	3.3	4.8	
384	001185	Phan Thị Kim Thanh	27/01/2004	10A8	8.0	7.0	4.05	1.4	1.85	7.3	9.5	6.8	8.8	6.0	8.8	8.5	
385	001189	Lâm Ngọc Phương Thảo	10/07/2004	10A8	1.8	6.5	2.1	2.0	1.15	5.3	5.0	0.8	2.5	5.8	0.5	5.8	
386	001214	Nguyễn Lạc Minh Thư	04/10/2004	10A8	4.8	7.3	3.9	1.8	2.00	7.7	10.0	6.3	9.0	4.0	9.3	7.5	
387	001217	Phạm Anh Thư	17/01/2004	10A8	8.8	7.3	4.8	2.0	2.00	8.8	9.3	8.3	9.5	5.0	9.5	9.5	
388	001222	Bùi Văn Thương	23/03/2004	10A8	6.8	5.8	3	2.0	2.00	7.0	9.5	6.5	8.8	8.0	5.5	8.5	
389	001223	Dương Hoài Thương	08/06/2004	10A8	8.0	6.0	3.6	2.0	2.00	7.6	10.0	7.0	9.0	8.0	9.8	8.8	
390	001247	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/09/2004	10A8	5.3	6.8	3.15	2.0	1.55	6.7	8.5	5.8	8.5	5.0	8.3	7.5	
391	001257	Trịnh Hoài Trân	21/10/2004	10A8	3.8	5.0	3.3	1.8	1.85	7.0	5.5	4.0	3.0	5.5	5.3	6.5	
392	001266	Nguyễn Huy Trường	20/12/2004	10A8	5.5	5.5	4.35	2.0	1.85	8.2	6.0	5.0	8.3	4.5	6.5	8.0	
393	001274	Nguyễn Trần Anh Tuấn	13/04/2004	10A8	5.0	7.5	4.5	2.0	1.90	8.4	10.0	3.5	8.3	5.5	8.0	8.0	
394	001278	Lý Minh Tuyền	16/02/2004	10A8	5.5	7.0	4.05	2.0	2.00	8.1	8.5	6.0	7.5	7.0	8.3	6.3	
395	001285	Nguyễn Hiếu Tường Vân	06/10/2004	10A8	7.3	6.8	3.9	1.8	2.00	7.7	10.0	8.3	9.3	5.5	9.3	8.3	
396	001296	Võ Anh Vũ	01/01/2004	10A8	0.5	6.3	1.65	2.0	1.55	5.2	2.5	2.8	8.5	2.5	3.0	4.5	
397	001300	Mai Phương Vy	25/02/2004	10A8	7.0	6.3	3.6	2.0	2.00	7.6	7.5	6.5	8.8	6.0	8.0	5.3	
398	001309	Trần Phạm Thúy Vy	10/05/2004	10A8	7.8	7.0	4.5	2.0	1.90	8.4	10.0	7.5	9.0	8.0	9.5	7.0	

399	000879	Bùi Quốc Anh	07/11/2003	10A9	2.8	5.0	3.75	2.0	2.00	7.8	5.0	3.5	3.8	5.5	4.0	2.0	
400	000890	Võ Nguyễn Trâm Anh	03/01/2004	10A9	7.8	8.0	4.2	2.0	2.00	8.2	9.0	8.5	8.8	8.0	10.0	9.5	
401	000892	Lê Hồng Ân	19/05/2004	10A9	5.3	7.0	3.9	2.0	1.85	7.8	8.0	9.0	6.8	5.0	5.8	6.5	
402	000894	Hoàng Gia Bảo	25/01/2004	10A9	4.8	6.3	4.2	2.0	1.85	8.1	7.0	3.3	4.3	6.0	4.3	7.5	
403	000895	Võ Hoàng Tú Bảo	29/06/2004	10A9	3.8	6.5	3.6	1.8	1.40	6.8	5.5	6.3	9.0	8.5	7.3	7.3	
404	000917	Phạm Khánh Duy	12/10/2004	10A9	7.3	7.0	4.95	2.0	2.00	9.0	6.3	6.8	9.8	5.0	9.5	9.8	
405	000924	Nguyễn Thùy Dương	23/06/2004	10A9	3.8	4.5	2.85	2.0	1.25	6.1	4.3	3.5	8.0	3.5	5.0	7.5	
406	000940	Ngô Trung Hải	21/06/2004	10A9	5.8	7.5	3.9	2.0	2.00	7.9	5.0	5.0	9.0	9.5	9.8	8.0	
407	000950	Cao Ngọc Gia Hân	01/12/2004	10A9	5.5	6.5	4.8	2.0	1.85	8.7	6.5	5.0	7.0	8.5	9.5	9.3	
408	000958	Võ Công Hậu	29/11/2004	10A9	6.5	4.5	4.2	2.0	2.00	8.2	6.3	6.5	8.0	8.0	6.5	9.8	
409	000959	Huỳnh Ngọc Hiền	23/05/2004	10A9	4.0	5.3	4.2	2.0	1.60	7.8	8.0	5.0	8.0	5.3	8.0	7.5	
410	000961	Nguyễn Thanh Hiền	12/10/2004	10A9	6.5	5.0	3.45	2.0	1.90	7.4	7.8	5.3	5.3	7.8	8.0	5.5	
411	000968	Trần Phạm Ánh Hoa	05/11/2004	10A9	5.0	6.5	4.35	2.0	1.85	8.2	9.3	7.8	8.5	5.5	2.5	9.5	
412	000969	Phạm Huy Thái Hòa	03/02/2004	10A9	4.3	6.3	3.15	2.0	1.55	6.7	6.8	3.8	5.0	8.0	9.0	7.0	
413	001000	Quách Diễm Hương	27/09/2004	10A9	7.8	8.0	5.1	2.0	2.00	9.1	8.0	7.0	8.8	5.0	9.3	8.3	
414	001017	Lê Mai Ngọc Lâm	22/07/2004	10A9	8.3	6.0	4.05	2.0	2.00	8.1	7.3	7.8	9.0	5.0	9.3	8.0	
415	001034	Vũ Việt Long	31/05/2004	10A9	3.0	4.0	4.35	2.0	0.95	7.3	7.5	2.8	6.3	7.5	4.3	8.0	
416	001038	Lê Thanh Luận	23/08/2004	10A9	3.0	4.5	3.75	2.0	1.85	7.6	5.0	2.3	8.0	2.0	5.3	5.5	
417	001041	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	12/08/2004	10A9	1.8	6.8	3.3	2.0	0.60	5.9	7.5	5.0	6.0	7.3	5.3	7.3	
418	001047	Nguyễn Hồng Minh	29/03/2004	10A9	6.0	5.0	4.05	2.0	1.90	8.0	9.0	3.8	6.8	6.3	9.3	8.5	
419	001062	Võ Hoàng Nam	26/03/2004	10A9	4.8	5.8	3.6	2.0	2.00	7.6	6.0	9.3	5.0	5.8	3.8	5.8	
420	001066	Hồ Hoàng Ngọc Ngân	18/01/2004	10A9	4.3	5.0	3.3	2.0	1.40	6.7	6.5	5.0	9.0	9.0	7.8	9.0	
421	001087	Tiểu Hồng Bảo Ngọc	11/04/2004	10A9	4.8	5.5	4.35	2.0	2.00	8.4	6.3	3.8	8.8	6.3	8.5	9.3	
422	001100	Nguyễn Lê Uyên Nhi	18/05/2004	10A9	5.5	6.5	3.6	2.0	1.55	7.2	6.8	4.0	8.3	6.0	7.3	8.3	
423	001105	Trần Thị Yến Nhi	29/07/2002	10A9	7.8	7.8	4.05	2.0	1.70	7.8	8.5	7.8	9.8	8.0	9.3	8.8	
424	001118	Hà Ngọc Hoàng Oanh	16/03/2004	10A9	8.0	5.0	4.05	2.0	2.00	8.1	9.3	5.3	7.5	8.5	9.8	7.3	
425	001131	Đỗ Hoàng Phúc	08/07/2004	10A9	7.5	6.8	4.8	2.0	1.90	8.7	4.3	8.3	7.8	4.0	9.3	6.5	
426	001143	Nguyễn Trúc Kiều Phương	08/07/2004	10A9	6.0	6.5	3.15	2.0	1.75	6.9	5.0	5.8	8.3	2.8	7.3	5.0	
427	001151	Từ Nguyễn Anh Thúy Quy	22/11/2003	10A9	7.8	7.3	3.9	1.8	1.90	7.6	7.0	7.3	9.5	8.0	9.0	9.8	
428	001161	Trần Nguyễn Thế Sự	15/08/2004	10A9	5.3	6.3	4.8	2.0	2.00	8.8	6.0	8.3	8.0	5.5	9.0	8.3	
429	001164	Lê Nguyễn Thành Tài	17/11/2004	10A9	2.3	2.5	3.45	2.0	1.70	7.2	7.0	4.8	6.3	4.5	5.0	7.3	

430	001173	Phạm Thị Thanh Tâm	20/10/2004	10A9	1.8	3.3	4.2	2.0	1.85	8.1	5.3	4.0	7.3	6.5	4.0	6.0	
431	001181	Lê Huỳnh Kim Thanh	28/02/2004	10A9	4.8	5.5	3.15	2.0	1.55	6.7	8.0	3.5	8.0	6.0	4.3	9.3	
432	001202	Lâm Minh Thuận	30/01/2004	10A9	5.3	5.3	4.05	2.0	1.90	8.0	8.0	5.3	7.0	6.5	9.5	7.8	
433	001204	Ngô Đình Thuận	01/07/2004	10A9	7.5	6.3	4.35	2.0	1.90	8.3	8.0	7.0	9.0	9.0	9.8	7.5	
434	001211	Huỳnh Minh Thư	13/04/2004	10A9	3.0	2.8	2.25	2.0	1.05	5.3	3.5	3.8	4.5	3.5	4.0	4.5	
435	001242	Trần Thanh Tình	16/05/2004	10A9	8.0	5.3	3.3	2.0	1.75	7.1	6.0	6.5	8.0	6.5	8.0	6.5	
436	001248	Phạm Ngọc Thùy Trang	05/12/2004	10A9	3.0	5.8	3.6	2.0	1.70	7.3	5.5	3.0	4.3	2.8	7.3	8.3	
437	001249	Võ Thị Thanh Trang	24/10/2004	10A9	3.8	2.8	3.6	2.0	1.85	7.5	6.5	1.3	9.0	4.5	7.0	7.8	
438	001251	Ngụy Ngọc Bảo Trâm	24/03/2004	10A9	6.8	6.8	4.5	2.0	2.00	8.5	8.5	9.0	9.5	7.5	9.8	8.0	
439	001297	Vũ Anh Vũ	20/03/2004	10A9	5.3	4.0	3.45	2.0	1.85	7.3	5.0	7.8	8.0	8.0	8.3	7.8	
440	001299	Lương Thị Hà Vy	15/01/2004	10A9	5.5	5.0	4.05	2.0	2.00	8.1	6.0	6.0	9.3	8.0	9.5	7.5	
441	001303	Nguyễn Trang Thảo Vy	04/02/2004	10A9	6.0	3.3	3.75	2.0	2.00	7.8	6.8	8.3	8.8	6.5	5.3	5.5	